

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **53** /2026/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày **29** tháng **06** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với
người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn,
tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính
sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số 328/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, chức danh, chế độ,
chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố và người
tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo
thẩm tra số 293/BC-BPC ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng
nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành
phố tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định số lượng, chức
danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người
tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động
không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với
người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm và mức phụ cấp
kiêm nhiệm.

2. Quy định chế độ, chính sách nghỉ công tác ngay đối với người hoạt động
không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân
phố; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người tham gia hoạt động ở thôn,
tổ dân phố.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
3. Thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
4. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, cụ thể:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban Công tác Mặt trận.

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 03 người.

2. Mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được tính theo quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố (không bao gồm kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật), cụ thể:

Số TT	Quy mô thôn, tổ dân phố	Chức danh	Mức phụ cấp hằng tháng ¹
1	Thôn: Dưới 300 hộ gia đình; Tổ dân phố: Dưới 450 hộ gia đình.	Bí thư Chi bộ	2,1
		Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố	2,0
		Trưởng Ban Công tác Mặt trận	1,8
2	Thôn: Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình; Tổ dân phố: Từ 450 đến dưới 1.000 hộ gia đình.	Bí thư Chi bộ	2,3
		Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố	2,2
		Trưởng Ban Công tác Mặt trận	2,0
3	Thôn: Từ 700 hộ gia đình trở lên;	Bí thư Chi bộ	2,5

¹ Hệ số so với mức lương cơ sở



Số TT	Quy mô thôn, tổ dân phố	Chức danh	Mức phụ cấp hằng tháng ¹
	Tổ dân phố: Từ 1.000 hộ gia đình trở lên;	Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố	2,4
	Thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn.	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	2,2

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, các chế độ, chính sách khác theo quy định pháp luật hiện hành. Ngân sách thành phố đảm bảo phần kinh phí vượt mức khoán quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 185/2026/NĐ-CP để thực hiện quy định mức phụ cấp các chức danh và kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế quy định tại Điều này.

Điều 4. Quy định về số lượng, chức danh, mức hỗ trợ của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

- a) Phó bí thư chi bộ;
- b) Phó trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố;
- c) Phó trưởng ban công tác Mặt trận;
- d) Chi hội trưởng Hội Phụ nữ;
- đ) Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- e) Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh;
- g) Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- h) Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi.

2. Số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Căn cứ yêu cầu thực tiễn của từng thôn, tổ dân phố, quy mô hộ gia đình, yêu cầu tổ chức hoạt động tại từng địa bàn khu dân cư, số lượng hội viên, đoàn viên của các tổ chức chính trị - xã hội và hội người cao tuổi; mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí không quá 08 người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Trường hợp thôn, tổ dân phố không thành lập các chi hội tổ chức chính trị - xã hội, chi hội người cao tuổi thì không bố trí các chức danh tương ứng.



b) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã căn cứ quy định tại điểm a khoản này để thống nhất chủ trương tổ chức các chi hội, bố trí số lượng, chức danh, bố trí kiêm nhiệm người tham gia hoạt động tại thôn, tổ dân phố đảm bảo không vượt quá số lượng quy định tại điểm a khoản này và không ngoài chức danh quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Mức hỗ trợ hằng tháng

Mức hỗ trợ hằng tháng đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được tính theo quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố (*không bao gồm kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại Điều 7 Nghị quyết này*), cụ thể:

Số TT	Quy mô thôn, tổ dân phố	Mức hỗ trợ hằng tháng (đồng/người)
1	Thôn: Dưới 300 hộ gia đình; Tổ dân phố: Dưới 450 hộ gia đình.	1.000.000
2	Thôn: Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình; Tổ dân phố: Từ 450 đến dưới 1.000 hộ gia đình.	1.200.000
3	Thôn: Từ 700 hộ gia đình trở lên; Tổ dân phố: Từ 1.000 hộ gia đình trở lên. Thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn.	1.500.000

Điều 5. Phụ cấp kiêm nhiệm

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 người quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này thì hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp hằng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 người quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này thì hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ hằng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

3. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất; phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 6. Chế độ, chính sách hỗ trợ một lần khi nghỉ công tác ngay đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện để tiếp tục bố trí khi sắp xếp thôn, tổ dân phố, chi bộ và ban công tác mặt trận; có nguyện vọng nghỉ công tác và được cấp có thẩm quyền thống nhất *(chỉ áp dụng đối với các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ)*.

b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố, chi bộ và ban công tác mặt trận; được cấp có thẩm quyền thống nhất nghỉ ngay *(không áp dụng đối với các thôn, tổ dân phố, chi bộ, ban Công tác Mặt trận, chi hội đoàn thể giữ nguyên)*.

2. Mức hỗ trợ một lần theo thời gian công tác:

a) Thời gian công tác dưới 01 năm: mức 3.000.000 đồng/người (Ba triệu đồng).

b) Thời gian công tác từ 01 năm đến dưới 05 năm: mức 5.000.000 đồng/người (Năm triệu đồng).

c) Thời gian công tác từ 05 năm đến dưới 10 năm: mức 10.000.000 đồng/người (Mười triệu đồng).

d) Thời gian công tác từ 10 năm trở lên: mức 15.000.000 đồng/người (Mười lăm triệu đồng).

3. Giao UBND cấp xã xác định và chịu trách nhiệm về đối tượng, thời gian tham gia công tác để làm cơ sở chi trả chế độ, chính sách theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp Chính phủ mở rộng đối tượng áp dụng Nghị định 154/2025/NĐ-CP, cho phép giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, có nguyện vọng nghỉ công tác thì đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ (không áp dụng chính sách hỗ trợ một lần theo quy định tại khoản 2 Điều này).

Điều 7. Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, công tác (trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định).

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện Nghị quyết theo phân cấp ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Phần kinh phí tăng thêm so với mức khoán quỹ phụ cấp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ do ngân sách thành phố đảm bảo để thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau đây:

a) Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Công an viên thôn/tổ (khô) đội trưởng; chức danh, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Căn cứ nội dung Nghị quyết tổ chức quán triệt, tuyên truyền và có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, xác định đối tượng và giải quyết chế độ chính sách các trường hợp bị tác động do sắp xếp thôn, tổ dân phố đúng đối tượng, đúng quy định pháp luật hiện hành của Trung ương và Nghị quyết của HĐND thành phố. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, kịp thời phối hợp Thường trực HĐND thành phố hướng dẫn, tạo thống nhất trong thực hiện.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, xây dựng phương án quản lý, sử dụng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng dôi dư sau sắp xếp thôn, tổ dân phố đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí.

d) Căn cứ phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, trình HĐND thành phố xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền như: quy định về kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; quy định về số lượng, mức phụ cấp đối với các chức danh khác theo quy định pháp luật chuyên ngành (Tổ an ninh trật tự cơ sở,



Đội dân phòng, Thôn đội trưởng/khối đội trưởng, Cộng tác viên dân số - gia đình và trẻ em,...) đảm bảo thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy mô thôn, tổ dân phố sau sắp xếp, thay thế các quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các phường, xã, đặc khu;
- Báo và PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Cổng TTĐT thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng

PHÓ ĐA NANG